

Số: /UBND-TH

Quảng Nam, ngày tháng 6 năm 2022

V/v hướng dẫn ký kết và thực hiện
thỏa thuận quốc tế nhân danh
đơn vị trực thuộc

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã biên giới.

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 ngày 13/11/2020 và Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ (Nghị định 64) về việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức;

Xét đề nghị của Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 52/TTr-SNgV ngày 01/6/2022 và Công văn số 634/SNgV-HTQT ngày 22/6/2022, UBND tỉnh hướng dẫn việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp Sở), UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã ở khu vực biên giới và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp tỉnh của tổ chức) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam như sau:

I. NỘI DUNG CỦA THỎA THUẬN QUỐC TẾ NHÂN DANH ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. Thỏa thuận quốc tế là thỏa thuận bằng văn bản về hợp tác quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình với bên ký kết nước ngoài, không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo pháp luật quốc tế.

Thỏa thuận quốc tế được thể hiện bằng văn bản, nêu ý định hợp tác thông qua các hoạt động cụ thể trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị trực thuộc đó. Thỏa thuận quốc tế phải có những nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên gọi của văn bản;
- b) Tên các bên ký kết;
- c) Lĩnh vực, nội dung, phương thức hợp tác;
- d) Thời điểm bắt đầu có hiệu lực, thời hạn hiệu lực;
- đ) Ngày ký, địa điểm ký, ngôn ngữ ký;

e) Họ tên, chức danh của người đại diện ký.

2. Thỏa thuận quốc tế có thể có các nội dung khác như cơ chế trao đổi thông tin, bảo mật, chi phí, giải quyết tranh chấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực của thỏa thuận quốc tế.

3. Nội dung của thỏa thuận quốc tế phải thể hiện thỏa thuận quốc tế đó không có giá trị ràng buộc về pháp lý.

4. Nội dung thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới phải phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế, theo đó *“Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới chỉ ký kết thỏa thuận quốc tế với bên ký kết nước ngoài là chính quyền địa phương cấp tương đương về giao lưu, trao đổi thông tin, kết nghĩa, hợp tác thực hiện quản lý biên giới phù hợp với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”*.

5. Nội dung thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của tổ chức đó.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KÝ KẾT THỎA THUẬN QUỐC TẾ

1. Trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở

a) Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp Sở lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

Hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục III Công văn này.

b) Các cơ quan được lấy ý kiến nêu tại điểm a khoản này trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c) Cơ quan cấp Sở tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ để trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Sở Ngoại vụ thẩm định hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế và trình Chủ tịch UBND tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ cơ quan cấp Sở.

d) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình theo hướng dẫn tại khoản 3 Mục III Công văn này.

đ) Người đứng đầu cơ quan cấp Sở tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký thỏa thuận quốc tế.

e) Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, cơ quan cấp Sở báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ bản sao thỏa thuận quốc tế

tế để thông báo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

2. Trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND huyện, thị xã, thành phố

a) Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, UBND huyện, thị xã, thành phố lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó và các cơ quan khác có liên quan.

Hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục III Công văn này.

b) Các cơ quan được lấy ý kiến nêu tại điểm a khoản này trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c) UBND huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ để trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Sở Ngoại vụ thẩm định hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế và trình Chủ tịch UBND tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ UBND huyện, thị xã, thành phố.

d) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình theo hướng dẫn tại khoản 3 Mục III Công văn này.

đ) Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký thỏa thuận quốc tế.

e) Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, UBND huyện, thị xã, thành phố báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ bản sao thỏa thuận quốc tế để thông báo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết.

3. Trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới

a) Trước khi tiến hành ký kết thỏa thuận quốc tế, UBND cấp xã biên giới lấy ý kiến bằng văn bản của UBND cấp huyện.

Hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục III Công văn này.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục III Công văn này, UBND cấp huyện cho ý kiến bằng văn bản và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế cho Sở Ngoại vụ.

c) Sở Ngoại vụ lấy ý kiến bằng văn bản của Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên

quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ UBND cấp huyện.

d) Các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến nêu tại điểm c khoản này trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Ngoại vụ về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới.

Sở Ngoại vụ tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế và trình Chủ tịch UBND tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các cơ quan, đơn vị nêu tại điểm c khoản này.

đ) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bằng văn bản về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Ngoại vụ.

e) Chủ tịch UBND cấp xã biên giới tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký thỏa thuận quốc tế.

g) Sau khi ký kết thỏa thuận quốc tế, UBND cấp xã biên giới báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện bằng văn bản, kèm theo bản sao thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận quốc tế được ký kết. UBND cấp huyện gửi Sở Ngoại vụ bản sao thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của UBND cấp xã biên giới.

4. Trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp tỉnh của tổ chức: thực hiện theo quy định tại Điều 8 và khoản 4 Điều 15, Nghị định 64.

III. CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC

1. Các trường hợp lấy ý kiến của cơ quan cấp bộ: thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định 64.

2. Hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc, bao gồm:

a) Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế, trong đó nêu rõ bối cảnh, mục đích của việc ký kết thỏa thuận quốc tế; nội dung chính của thỏa thuận quốc tế; đánh giá sự phù hợp của thỏa thuận quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam, tác động của thỏa thuận quốc tế dự định ký kết; việc tuân thủ các quy định tại Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế và hướng dẫn tại Mục I Công văn này; kiến nghị họ tên, chức vụ của người đại diện ký; kiến nghị về việc đăng tải, bảo mật thỏa thuận quốc tế.

b) Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3. Hồ sơ trình về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị trực thuộc, bao gồm:

a) Văn bản đề xuất về việc ký kết thỏa thuận quốc tế, trong đó bao gồm các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Mục này và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có).

b) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan.

c) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.

d) Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

4. Chế độ báo cáo tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế

Cơ quan, tổ chức ký kết thỏa thuận quốc tế thực hiện chế độ báo cáo về tình hình và dự kiến ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền:

a) Cơ quan cấp Sở, UBND huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo cho Sở Ngoại vụ.

b) Sau khi nhận được báo cáo của UBND cấp xã biên giới, UBND cấp huyện tổng hợp, gửi báo cáo của cơ quan mình và của UBND cấp xã biên giới cho Sở Ngoại vụ.

c) Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức gửi báo cáo cho cơ quan quản lý hoạt động đối ngoại của cơ quan cấp tỉnh của tổ chức, đồng thời gửi cho Sở Ngoại vụ.

d) Sở Ngoại vụ tổng hợp, xây dựng báo cáo của UBND tỉnh về công tác thỏa thuận quốc tế để gửi Bộ Ngoại giao theo quy định.

5. Đăng tải thỏa thuận quốc tế

a) Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc đăng tải, công khai thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở, UBND cấp huyện, UBND cấp xã biên giới, các thông tin về sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trên cổng thông tin điện tử, trừ trường hợp không đăng tải, công khai theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước hoặc theo thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài.

b) Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức công khai thỏa thuận quốc tế của mình bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của tổ chức, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức phù hợp khác, trừ trường hợp không đăng tải, công khai theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận với bên ký kết nước ngoài.

6. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế: các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã biên giới, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định 64.

7. Chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế: các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã biên giới, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 64.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương liên quan triển khai thực hiện đạt kết quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Ngoại vụ) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh